

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ Đ
TỈNH G L

Bản án số: 40/2022/HS-ST
Ngày 29/7/2022

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ Đ, TỈNH G L

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông N T S.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông L V D

2- Ông T M T

- **Thư ký phiên tòa:** Ông V Đ Q – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ Đ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ, tỉnh G L tham gia phiên tòa:**

Ông N V K – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022 Tòa án nhân dân huyện Đ Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2022/HSST ngày 21 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 49/2022/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo:

N T N, Tên gọi khác: T; Sinh năm: 1985 tại T S, B Đ; Nơi cư trú: Thôn D H, xã B H, huyện T S, tỉnh B Đ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Con ông: N V T, sinh năm: 1950 và con bà P T X, sinh năm: 1956. Bị cáo có 5 chị em, bị cáo là con thứ 2 trong gia đình. Vợ: N T H L, sinh năm 1997. Bị cáo 01 con sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị N T T D, sinh năm: 1999 (đã chết).

Trú tại: Tổ 4, phường T L, thành phố P K, tỉnh G L.

Đại diện hợp pháp của bị hại: Ông N T S, sinh năm: 1974 (bố ruột) và bà V T B H, sinh năm: 1975 (mẹ ruột).

Trú tại: Tổ 4, phường T L, thành phố P K, tỉnh G L.

Ông S có mặt, bà H vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 4 giờ 10 phút ngày 06/01/2022, N T N điều khiển xe ô tô tải biển số 77H – 019.37 (đi 1 mình, trên xe không chở hàng hóa) đi từ nhà máy mỳ thuộc thị xã An Khê, tỉnh G L đi đến xã I L, huyện C P, tỉnh G L để chở củ mì tươi (sắn tươi).

Đến khoảng 6h sáng thì đến vòng xuyến của thị trấn Đ Đ, huyện Đ Đ, tỉnh G L. N điều khiển xe ô tô rẽ trái vào hướng xã GL đây là đường liên huyện đi từ Đ Đ đi C P. Khoảng 6h45 phút thì xe đi đến địa phận làng B, xã A D, huyện Đ Đ, lúc này phía trước cùng chiều với xe N đi có 01 xe ô tô tải cũng đi theo hướng Đ Đ đi C P nên N bật đèn tín hiệu bên trái để xin vượt, trước khi chuẩn bị vượt, N chỉ chú ý quan sát phía bên phải của xe ô tô mà N chuẩn bị vượt, không chú ý quan sát phía trước bên trái hướng bên đường ngược chiều, nên không nhìn thấy xe mô tô của chị N T K D đang đi đến ở phần đường bên trái của xe N đi (đi ngược chiều đến), khi N điều khiển xe ô tô của mình đi S phần đường bên trái để vượt xe ô tô đi phía trước ngược chiều và khi đang vượt xe ô tô đi trước cùng chiều, N nhìn lên phía trước thì mới phát hiện thấy có xe mô tô biển kiểm soát 81B2 – 249.66 do chị N T K D điều khiển đang đi đến ở phần đường bên phải theo hướng xã I B đi xã A D (ngược chiều với xe ô tô của N), thấy xe ô tô lấn sang phần đường của mình, chị D đã điều khiển xe mô tô của mình đi sát vào lề đường bên phải theo hướng xe mình đi (hướng xã I B đi xã A D) nhưng vì xe ô tô tải do N điều khiển đã lấn hết phần đường của xe mô tô nên xe ô tô do N điều khiển đã va chạm với xe mô tô của chị D gây ra tai nạn.

Hậu quả: Chị N T K D bị thương được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Hoàng Anh G L nhưng sau đó chị D đã bị chết.

Xe mô tô bị hư hỏng nhẹ.

Theo Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 142 ngày 26/01/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh G L kết luận nguyên nhân chết của chị N T K D là do: Chấn thương sọ não.

Theo Bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản của UBND huyện Đ Đ kết luận thì xe mô tô của chị N T K D bị hư hỏng do tai nạn giao thông gây nên bị thiệt hại: 480.000đ.

Kết quả khám nghiệm hiện trường:

Hiện trường xảy ra tai nạn là đoạn đường liên huyện Đ Đ đi huyện C P, tỉnh G L, mặt đường rải nhựa bê tông cứng, bằng phẳng. Chiều rộng mặt đường 6m60. Lề đường đất hai bên rộng 0m30.

Xác định điểm mốc và mép đường chuẩn:

Lấy trụ điện số 473/F19/122/A D – Đ Đ phía bên trái đường hướng xã GL đi xã I B làm điểm cố định. Khoảng cách từ điểm cố định đến trục trước bên trái bánh xe ô tô biển số 77H – 019.37 là 9m50.

Xác định mép đường chuẩn:

Lấy mép đường bên phải hướng GL đi xã I B làm mép đường chuẩn.

Sau khi tai nạn xảy ra hiện trường để lại các dấu vết sau:

- Xe mô tô biển số 81B2 – 249.66 được đánh dấu số (1): Xe bị ngã nằm bên lề đường phải hướng xã I B đi xã GL, xe nằm ngã nghiêng sang bên trái, đầu xe quay về hướng xã GL, đuôi xe quay về hướng xã I B. Trục bánh trước xe mô tô cách mép đường chuẩn 7m10, trục bánh sau cách mép đường chuẩn 6m90.

- Vết máu được đánh dấu số (2): Vết máu nằm trên mặt đường sát lề bên phải hướng xã I B đi xã GL. Vết máu có diện (1 x 0,4)m. Đo từ tâm vết máu đến tâm trục bánh sau xe mô tô là 1m30.

- Vết cà được đánh dấu số (3): Vết cà có chiều hướng từ xã I B đi xã GL, vết có diện (3,50 x 0,01)m. Khoảng cách từ điểm đầu vết cà đến mép đường chuẩn là 6m10, điểm cuối vết cà đến mép đường chuẩn là 6m65, điểm cuối vết cà nằm ngay góc chân sau của xe mô tô.

- Vết chà màu đen (vết phanh của xe mô tô 81B2 – 249.66) được đánh dấu số (4): Vết có chiều hướng từ xã I B đi xã GL, vết có diện (6,25 x 0,07)m. Khoảng cách từ đầu vết phanh đến mép đường chuẩn là 6m10, khoảng cách từ điểm cuối vết phanh đến mép đường chuẩn là 6m60 và đến trục bánh sau của xe mô tô là 2m50.

- Vết chà màu đen (vết phanh bên trái của xe ô tô 77H – 019.37) được đánh dấu số (5): Vết có chiều hướng từ xã GL đi xã I B, vết có diện (17,40 x 0,25)m, khoảng cách từ đầu vết phanh đến mép đường chuẩn là 5m30, khoảng cách từ cuối vết phanh đến mép đường chuẩn là 5m và khoảng cách từ điểm đầu vết phanh bên trái của xe ô tô đến điểm đầu vết phanh của xe mô tô là 15m30.

- Vết chà màu đen (vết phanh bên phải của xe ô tô 77H – 019.37) được đánh dấu số (6): Vết có chiều hướng từ xã GL đi xã I B, vết có diện (8,20 x 0,20)m, khoảng cách từ đầu vết phanh đến mép đường chuẩn là 3m30, cuối vết phanh đến mép đường chuẩn là 3m.

- Xe ô tô biển số 77H – 019.37 được đánh dấu số (7): Sau khi tai nạn, xe dừng đỗ trên mặt đường bên phải theo hướng đi, đầu xe quay về hướng xã I B, đuôi xe quay về hướng xã GL. Đo từ tâm trục bánh sau bên trái của xe đến mép đường chuẩn là 3m10, từ tâm trục bánh trước bên trái vào mép đường chuẩn là 2m30.

Kết quả khám dấu vết trên phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông:

Đối với xe mô tô biển số 81B2 – 249.66:

- Ốp nhựa bảo vệ đồng hồ công tơ mét bị bể trong diện (17 x 12)cm.
- Mặt ngoài khớp nối bằng kim loại của gương chiếu hậu bên trái có vết cà mòn kim loại diện (0,2 x 0,2)cm.
- Mặt nạ phía trước bên trái có vết cà mòn nhựa trong diện (8 x 1)cm.
- Yếm xe bên trái có 02 vết cà mòn trong diện (15 x 1)cm và (30 x 10)cm.
- Mặt ngoài bên trái chân chống giữa có vết cà mòn kim loại diện (8 x 3)cm.
- Mặt ngoài góc chân sau bên trái có vết cà mòn kim loại diện (10 x 2)cm.

Đối với xe ô tô biển số 77H – 019.37:

- Tại vị trí mặt ngoài mâm bánh xe sau cùng bên trái có vết cà mòn kim loại diện (03 x 02)cm.

Kết quả kiểm tra nồng độ cồn và ma túy đối với N T N đều âm tính.

Tại bản Cáo trạng số 40/CT-VKS ngày 19/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ, tỉnh G L đã truy tố bị cáo N T N về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi phạm tội của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo N T N từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm.

Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo N T N phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ là truy tố đúng người, đúng tội, thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo và xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng 4h 10 phút ngày 06/01/2022, N T N điều khiển xe ô tô tải biển số 77H – 019.37 (đi 1 mình, trên xe không chở hàng hóa) đi từ nhà máy mỳ thuộc thị xã An Khê, tỉnh G L đi đến xã I L, huyện C P, tỉnh G L để chở củ mì tươi (sắn tươi). Khoảng 6h45 phút thì xe đi đến địa phận làng B, xã A D, huyện Đ Đ, lúc này phía trước cùng chiều với xe N đi có 01 xe ô tô tải cũng đi theo hướng Đ Đ đi C P nên N bật đèn tín hiệu bên trái để xin vượt, nhưng không chú ý quan sát phía trước bên trái hướng bên đường ngược chiều, nên không nhìn thấy xe mô tô của chị N T K D đang đi đến ở phần đường bên trái của xe N đi (đi ngược chiều đến), do đó khi N điều khiển xe ô tô của mình đi sang phần đường bên trái để vượt xe ô tô đi phía trước ngược chiều và khi đang vượt xe ô tô đi trước cùng chiều thì mới phát hiện thấy xe mô tô biển kiểm soát 81B2 – 249.66 do chị N T K D điều khiển đang đi đến ở phần đường bên phải theo hướng xã I B đi xã A D (ngược chiều với xe ô tô của N), vì xe ô tô tải do

N điều khiển đã lấn hết phần đường của xe mô tô nên xe ô tô do N điều khiển đã va chạm với xe mô tô của chị D gây ra tai nạn.

Hậu quả: Chị N T K D bị chết, xe mô tô biển số 81B2 – 249.66 của chị D hư hỏng nhẹ. Tài sản của chị D (xe mô tô) bị thiệt hại do tai nạn giao thông gây ra là: 480.000đ. Theo Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 142 ngày 26/01/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh G L kết luận nguyên nhân chết của chị N T K D là do: Chấn thương sọ não.

Bị cáo điều khiển xe ô tô có giấy phép lái xe theo đúng quy định, tuy nhiên khi tham gia giao thông bị cáo đã vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ, điều khiển xe đi với tốc độ cao, không chú ý quan sát, điều khiển xe ô tô của mình để vượt xe ô tô khác đi cùng chiều phía trước nhưng thiếu quan sát, tránh vượt không đảm bảo khoảng cách an toàn nên đã dẫn đến tai nạn, hậu quả làm chị N T K D chết. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ Đ truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

+ Nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 100.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, gia đình người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính duy nhất trong gia đình, đang nuôi con nhỏ. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt:

Đây là vụ án tai nạn giao thông nghiêm trọng, nguyên nhân của vụ tai nạn giao thông trên là do bị cáo điều khiển xe mô tô không chú ý quan sát, điều khiển xe ô tô của mình để vượt xe ô tô khác đi cùng chiều phía trước nhưng thiếu quan sát, tránh vượt không đảm bảo khoảng cách an toàn nên đã dẫn đến tai nạn làm chết 01 người. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm an toàn, tính mạng, sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ và sự hoạt động bình thường của giao thông đường bộ. Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội cần phải xử mức án nghiêm mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Trên cơ sở phân tích đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo N T N có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bản thân bị cáo khi phạm tội có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, có hoàn

cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính duy nhất trong gia đình và đang nuôi con nhỏ. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo đã thật sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, việc cho bị cáo được cải tạo tại chỗ dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Như vậy, trường hợp bị cáo thỏa mãn đầy đủ các điều kiện được quy định tại Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về điều kiện cho người bị kết án phạt tù được hưởng án treo theo Điều 65 của Bộ luật hình sự nên không cần thiết cách ly bị cáo ra ngoài đời sống xã hội mà cho hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội đồng thời cũng thể hiện tính nhân đạo của pháp luật và khoan hồng của nhà nước.

[5] Về vật chứng:

Xe ô tô biển kiểm soát 77H – 019.37 quá trình điều tra xác định do N T N là chủ sở hữu, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ Đ đã trả lại cho N T N.

Xe mô tô biển kiểm soát 81B2 – 249.66, quá trình điều tra xác định do chị N T K D là chủ sở hữu, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ Đ đã trả lại cho ông N T S.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên bố:

Bị cáo N T N phạm tội: “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

3. Xử phạt:

Bị cáo N T N 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm tính từ ngày tuyên án (ngày 29/7/2022)

Giao bị cáo N T N cho Ủy ban nhân dân xã B H, huyện T S, tỉnh B Đ nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo N T N thay đổi nơi cư trú thì áp dụng khoản 3 điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo N T N phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/7/2022), bị cáo, đại diện hợp pháp cho bị hại có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh G L xét xử phúc thẩm. Đối với đại diện hợp pháp cho bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G L;
- Sở tư pháp tỉnh G L;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ Đ;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Đ Đ;
- VKSND huyện Đ Đ;
- THADS;
- Bị cáo;
- Đại diện hợp pháp của bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Án Văn;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

N T S